

**THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ GIAO DỰ TOÁN KINH
PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC
GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC
THiểu SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /6/2022 của UBND tỉnh)

**I. THUYẾT MINH CƠ SỞ TRÌNH PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ
GIAO DỰ TOÁN**

Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ tại Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND; căn cứ số lượng, khối lượng (số hộ, ha, tấn gạo, xã ĐBK, thôn ĐBK, xã ATK, tỷ lệ hộ nghèo, người học, lớp xóa mù chữ, trường, nhà văn hóa, tỷ lệ tảo hôn,...) do Ban Dân tộc tổng hợp và đối chiếu với số liệu của UBND các huyện, thành phố báo cáo, dự toán chi của các đơn vị cấp tỉnh để làm cơ sở phân bổ kinh phí cho các dự án, tiểu dự án, cụ thể:

Tổng kinh phí phân bổ và giao dự toán năm 2022 cho các đơn vị, địa phương 144.068 triệu đồng, trong đó:

1. Phân bổ kinh phí cho các đơn vị cấp tỉnh: 16.890 triệu đồng.

a) Kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu:

Căn cứ tỷ lệ phân bổ tối đa quy định tại Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND; đồng thời, căn cứ dự toán kinh phí thực hiện dự án, tiểu dự án do các đơn vị cấp tỉnh xây dựng, UBND tỉnh xác định phương án phân bổ theo nguyên tắc sau:

+ Dự toán các đơn vị lập lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ phân bổ tối đa quy định tại Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND, UBND tỉnh đề xuất phân bổ kinh phí bằng tỷ lệ tối đa quy định tại Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND.

+ Dự toán các đơn vị lập nhỏ hơn tỷ lệ phân bổ tối đa quy định tại Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND, UBND tỉnh đề xuất phân bổ kinh phí bằng với giá trị dự toán đơn vị lập; đối với số kinh phí chênh lệch giữa tỷ lệ phân bổ tối đa trừ đi dự toán đơn vị đề nghị, UBND tỉnh đề xuất phân bổ cho UBND các huyện, thành phố.

Chi tiết phương pháp tính toán tại mục III bản thuyết minh này.

b) Kinh phí đối ứng ngân sách tỉnh cho các dự án, tiểu dự án được xác định cụ thể tại mục II bản thuyết minh này.

2. Giao dự toán cho UBND các huyện, thành phố 127.178 triệu đồng.

a) Kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu:

Cơ sở phân bổ kinh phí cho UBND các huyện, thành phố: Việc phân bổ kinh phí cho dự án, tiểu dự án căn cứ theo tiêu chí chấm điểm và phương pháp tính toán theo quy định tại Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND, cụ thể trên cơ sở

số lượng, khối lượng tương ứng với từng tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án, UBND tỉnh xác định tổng điểm của từng dự án, tiểu dự án; số điểm của mỗi địa phương và số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ, theo đó làm căn cứ phân bổ nguồn kinh phí bằng số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ nhân với số điểm của mỗi địa phương.

Chi tiết phương pháp tính toán tại mục III bản thuyết minh này.

b) Kinh phí đối ứng ngân sách tỉnh cho các dự án, tiểu dự án được xác định cụ thể tại mục II bản thuyết minh này.

II. THUYẾT MINH KINH PHÍ ĐỐI ỨNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Tại điểm b khoản 2 Điều 6 Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định:

“Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 70% trở lên: Hằng năm, ngân sách địa phương bố trí đối ứng tối thiểu bằng 05% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương.”

Tỉnh Bắc Kạn nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương gần 90%. Theo đó, tổng số kinh phí đối ứng tối thiểu của tỉnh là 8.484 triệu đồng (169.682 triệu đồng * 5%).

Căn cứ quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg, các dự án, tiểu dự án ngân sách địa phương phải đối ứng kinh phí gồm: Dự án 1, Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3, Dự án 4, Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 5, Dự án 6, Dự án 7, Dự án 8, Dự án 9, Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 10; các tiểu dự án bố trí toàn bộ từ kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương gồm: Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3, Nội dung số 01 của Tiểu dự án 2 và Tiểu dự án 4 thuộc Dự án 5, Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10.

Hiện tại, Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính và dự thảo Thông tư của Ủy ban dân tộc không có hướng dẫn mức đối ứng cụ thể của từng dự án, tiểu dự án. Vì vậy, để đảm bảo tính đủ kinh phí ngân sách địa phương phải đối ứng tối thiểu 5% trên tổng nguồn kinh phí Trung ương cấp, UBND tỉnh đề xuất tính bình quân 5% trên nguồn Trung ương giao của tất cả các dự án, trong đó đối với Tiểu dự án nào theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg sử dụng toàn bộ ngân sách Trung ương thì chuyển phần vốn đối ứng tương ứng sang các Tiểu dự án còn lại theo quy định phải bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương trong cùng một Dự án. Cụ thể tính toán như sau:

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt 323 triệu đồng.

- Trung ương bố trí kinh phí là 6.454 triệu đồng (Nội dung số 03: Hỗ trợ chuyển đổi nghề 5.054 triệu đồng, trong đó hỗ trợ mua sắm nông cụ, máy móc

làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, làm các ngành nghề khác 2.338 triệu đồng; kinh phí hỗ trợ học nghề để chuyển đổi nghề theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ 2.716 triệu đồng. Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán 1.400 triệu đồng).

- Theo đó, kinh phí đối ứng từ ngân sách địa phương là 323 triệu đồng (6.454 triệu đồng *5%), gồm:

+ Kinh phí hỗ trợ mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, làm các ngành nghề khác 122 triệu đồng (2.338 triệu đồng * 5,2%, nhân tỷ lệ 5,2% để làm tròn số hộ được hỗ trợ với mức tối đa là 10 triệu đồng);

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán 70 triệu đồng (1.400 triệu đồng * 5%);

+ Kinh phí hỗ trợ học nghề để chuyển đổi nghề theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ 131 triệu đồng (323 triệu đồng - 122 triệu đồng -70 triệu đồng).

2. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị: 4.847 triệu đồng.

- Trung ương bố trí kinh phí là 96.941 triệu đồng (gồm: Tiểu dự án 1-Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân 72.328 triệu đồng; Tiểu dự án 2 - Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh 21.808 triệu đồng; Tiểu dự án 2 - Hỗ trợ phát triển trồng vùng được liệu quý 2.805 triệu đồng).

- Theo đó, kinh phí đối ứng từ ngân sách địa phương là 4.847 triệu đồng (96.941 triệu đồng *5%). Do theo quy định Tiểu dự án 1 sử dụng toàn bộ vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương nên toàn bộ số vốn đối ứng này sẽ chuyển sang thực hiện Tiểu dự án 2. Việc chuyển số vốn đối ứng tính trên số vốn Trung ương cấp cho Dự án 3 sang thực hiện Tiểu dự án 2 là hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế của địa phương vì: Đối với dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị liên quan đến nâng cao chất lượng đời sống và thu nhập của người dân nên cần tăng cường nguồn kinh phí để thực hiện và nhu cầu kinh phí triển khai dự án tại các địa phương cũng rất lớn. Cụ thể:

Theo nội dung trên, năm 2022, tiểu Dự án 2 được Trung ương phân bổ số tiền 24.613 triệu đồng (21.808 triệu đồng +2.805 triệu đồng), số tiền đối ứng từ ngân sách địa phương 4.847 triệu đồng sẽ tương đương với tỷ lệ 19,693% (4.847 triệu đồng/24.613 triệu đồng x 100) so với số kinh phí Trung ương phân bổ thực hiện Tiểu dự án 2. Theo đó, số kinh phí đối ứng từ ngân sách địa phương đối với từng nội dung sẽ là:

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh: 4.295 triệu đồng (21.808 triệu đồng x 19,693%);

+ Hỗ trợ phát triển trồng vùng dược liệu quý 552 triệu đồng (2.805 triệu đồng x 19,693%).

3. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc: 433 triệu đồng.

- Trung ương bố trí kinh phí là 8.650 triệu đồng (Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 8.650 triệu đồng).

- Theo đó, kinh phí đối ứng từ ngân sách địa phương là 433 triệu đồng (8.650 triệu đồng *5%).

4. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực 1.542 triệu đồng.

- Trung ương bố trí kinh phí là 30.834 triệu đồng (Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số 4.698 triệu đồng; Nội dung số 01 thuộc Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc 4.228 triệu đồng; Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi 16.708 triệu đồng; Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp 5.200 triệu đồng).

- Theo đó, kinh phí đối ứng từ ngân sách địa phương là 1.542 triệu đồng (30.834 triệu đồng *5%).

Do theo quy định Nội dung số 01 thuộc Tiểu dự án 2 và Tiểu dự án 4 sử dụng toàn bộ kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương nên toàn bộ số vốn đối ứng tính trên số vốn Trung ương của 2 tiểu dự án này sẽ chuyển sang thực hiện Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 3. Cụ thể:

Theo nội dung trên, năm 2022, Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 3 được Trung ương phân bổ số tiền 21.406 triệu đồng (4.698 triệu đồng +16.708 triệu đồng), số tiền đối ứng từ ngân sách địa phương 1.542 triệu đồng sẽ tương đương với tỷ lệ 7,204% (1.542 triệu đồng/21.406 triệu đồng x 100) so với số kinh phí Trung ương phân bổ thực hiện Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 3. Theo đó, số kinh phí đối ứng từ ngân sách địa phương đối với từng tiểu dự án sẽ là:

+ Tiểu dự án 1: 338 triệu đồng (4.698 triệu đồng x 7,204%);

+ Tiểu dự án 3: 1.204 triệu đồng (16.708 triệu đồng x 7,204%).

5. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: 181 triệu đồng.

- Trung ương bố trí kinh phí là 3.619 triệu đồng.

- Theo đó, kinh phí đối ứng từ ngân sách địa phương là 181 triệu đồng (3.619 triệu đồng *5%).

6. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em 173 triệu đồng.

- Trung ương bố trí kinh phí là 3.467 triệu đồng.

- Theo đó, kinh phí đối ứng từ ngân sách địa phương là 173 triệu đồng (3.467 triệu đồng *5%).

7. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: 431 triệu đồng.

- Trung ương bố trí kinh phí là 8.615 triệu đồng.

- Theo đó, kinh phí đối ứng từ ngân sách địa phương là 431 triệu đồng (8.615 triệu đồng *5%).

8. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn: 323 triệu đồng.

- Trung ương bố trí kinh phí là 6.471 triệu đồng (Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù: 4.903 triệu đồng; Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 1.568 triệu đồng).

- Theo đó, kinh phí đối ứng từ ngân sách địa phương là 323 triệu đồng (6.471 triệu đồng *5%), trong đó:

+ Tiểu dự án 1: 245 triệu đồng (4.903 triệu đồng * 5%);

+ Tiểu dự án 2: 78 triệu đồng (1.568 triệu đồng * 5%).

9. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: 231 triệu đồng.

- Trung ương bố trí kinh phí là 4.631 triệu đồng (Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030: 2.798 triệu đồng; Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 788 triệu đồng; Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình 1.045 triệu đồng).

- Theo đó, kinh phí đối ứng từ ngân sách địa phương là 231 triệu đồng (4.631 triệu đồng *5%).

Do theo quy định Tiêu dự án 2 sử dụng toàn bộ kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương nên toàn bộ số vốn đối ứng tính trên số vốn Trung ương của Tiêu dự án 2 sẽ chuyển sang thực hiện Tiêu dự án 1 và Tiêu dự án 3, cụ thể:

Theo nội dung trên, năm 2022, Tiêu dự án 1 và Tiêu dự án 3 được Trung ương phân bổ số tiền 3.843 triệu đồng (2.798 triệu đồng +1.045 triệu đồng), số tiền đối ứng từ ngân sách địa phương 231 triệu đồng sẽ tương đương với tỷ lệ 6,01% ($231 \text{ triệu đồng} / 3.843 \text{ triệu đồng} \times 100$) so với số kinh phí Trung ương phân bổ thực hiện Tiêu dự án 1 và Tiêu dự án 3. Theo đó, số kinh phí đối ứng từ ngân sách địa phương đối với từng nội dung sẽ là:

+ Tiêu dự án 1: 168 triệu đồng ($2.798 \text{ triệu đồng} \times 6,01\%$).

+ Tiêu dự án 2: 63 triệu đồng ($1.045 \text{ triệu đồng} \times 6,01\%$).

III. THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN TRÌNH PHÂN BỔ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

Tại Quyết định số 1067/QĐ-BTC, tỉnh Bắc Kạn được phân bổ số tiền 6.454 triệu đồng để thực hiện các nội dung hỗ trợ chuyển đổi nghề, hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán thuộc dự án 1, cụ thể:

a) Hỗ trợ chuyển đổi nghề: 5.054 triệu đồng, trong đó: từ nguồn sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề là 2.716 triệu đồng, sự nghiệp đảm bảo xã hội là 2.338 triệu đồng.

- Đối với kinh phí sự nghiệp giáo dục 2.716 triệu đồng để lại phân bổ sau (thuyết minh tại mục IV)

- Đối với kinh phí sự nghiệp đảm bảo xã hội là 2.338 triệu đồng: Căn cứ tiêu chí quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND và số lượng tương ứng với từng tiêu chí do Ban Dân tộc báo cáo, UBND tỉnh xác định được số điểm của mỗi địa phương, tổng điểm của nội dung hỗ trợ chuyển đổi nghề, vốn định mức cho 01 điểm phân bổ, cụ thể:

+ Tổng điểm làm căn cứ xác định vốn định mức cho Hỗ trợ chuyển đổi nghề là 36,7 điểm.

+ Theo công thức quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND, số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ là: $2.338 \text{ triệu đồng} / 36,7 \text{ điểm} = 63,7 \text{ triệu đồng/điểm}$.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh xác định số kinh phí phân bổ cho UBND các huyện, thành phố bằng số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ nhân với số điểm của mỗi huyện, thành phố.

b) Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: 1.400 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp kinh tế. Căn cứ tiêu chí quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND và số lượng tương ứng với từng tiêu chí của Ban Dân tộc báo cáo, UBND tỉnh xác định được số điểm của mỗi địa phương, tổng điểm của nội dung hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và vốn định mức cho 01 điểm phân bổ, cụ thể:

- Tổng điểm làm căn cứ xác định vốn định mức cho Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán là 27,8 điểm.

- Theo công thức quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND, số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ là 1.400 triệu đồng/27,8 điểm = 50,3 triệu đồng/điểm.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh xác định số vốn phân bổ cho UBND các huyện, thành phố bằng số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ nhân với số điểm của mỗi huyện, thành phố.

(Chi tiết phân bổ kinh phí cho Dự án 1 theo Biểu số 2.1 kèm theo)

2. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

Tại Quyết định số 1067/QĐ-BTC, tỉnh Bắc Kạn được phân bổ số tiền 96.941 triệu đồng để thực hiện dự án 3, trong đó:

a) Tiểu dự án 1 được phân bổ từ nguồn sự nghiệp kinh tế 72.328 triệu đồng.

Căn cứ tiêu chí quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 9 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND và số lượng tương ứng với từng tiêu chí do Ban Dân tộc báo cáo, UBND tỉnh xác định được số điểm của mỗi địa phương, tổng điểm của tiểu dự án và vốn định mức cho 01 điểm phân bổ, cụ thể:

- Tổng điểm làm căn cứ xác định vốn định mức cho tiểu dự án 1 là 1.289,3 điểm.

- Theo công thức xác định vốn định mức quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND, vốn định mức làm cơ sở phân bổ tiểu dự án 1 là 56,1 triệu đồng/điểm (72.328 triệu đồng/1.289,3 điểm).

Từ số vốn định mức, UBND tỉnh xác định được số kinh phí phân bổ tương ứng cho từng huyện, thành phố bằng cách nhân vốn định mức với tổng điểm tương ứng của từng địa phương.

b) Tiểu dự án 2 được phân bổ 24.613 triệu đồng, trong đó: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế 21.808 triệu đồng để thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, khởi sự kinh doanh; sự nghiệp y tế 2.805 triệu đồng để thực hiện hỗ trợ phát triển trồng vùng được liệu quý.

Năm 2022, Sở Nông nghiệp và Nông thôn đã lập dự toán và đề xuất thực hiện nội dung “*Phát triển trồng vùng được liệu quý*”. Đồng thời, theo điểm b,

khoản 2, Điều 9 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND, các địa phương chỉ được giao thực hiện nội dung “*Phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư*” và việc phân bổ nguồn kinh phí theo dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do vậy, trên cơ sở dự toán thực hiện nội dung “*Phát triển trồng vùng được liệu quy*” do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập, UBND tỉnh đề xuất phân bổ hết số tiền 2.805 triệu đồng cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Việc phân bổ cho Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn theo phương án trên vẫn đảm bảo chưa vượt mức tối đa là 19% quy định tại Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND*).

Số kinh phí còn lại của tiểu dự án 2 số tiền 21.808 triệu đồng, UBND tỉnh đề xuất phân bổ cho các địa phương sau khi có phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh.

(Chi tiết phân bổ kinh phí cho Dự án 3 theo Biểu số 2.2 đính kèm)

3. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

Tại Quyết định số 1067/QĐ-BTC, Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 được trung ương cấp: 8.650 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp kinh tế. Căn cứ tiêu chí, định mức phân bổ tại khoản 2, Điều 10 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND và số lượng tương ứng với từng tiêu chí do Ban Dân tộc báo cáo, UBND tỉnh đã xác định tổng điểm của tiểu dự án; số điểm chi tiết của mỗi huyện, thành phố và số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ, cụ thể:

- Tổng điểm của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 là 742,7 điểm.

- Theo công thức quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND, số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ là $8.650 \text{ triệu đồng} / 742,7 \text{ điểm} = 11,6 \text{ triệu đồng/điểm}$.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh xác định số vốn phân bổ cho UBND các huyện, thành phố bằng số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ nhân với số điểm của mỗi huyện, thành phố.

(Chi tiết phân bổ kinh phí cho Dự án 4 theo Biểu số 2.3 kèm theo)

4. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

*Tại Quyết định số 1067/QĐ-BTC, tỉnh Bắc Kạn được phân bổ số tiền 30.834 triệu đồng để thực hiện dự án 5, trong đó:

- Tiểu dự án 1 được phân bổ từ nguồn sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề là 4.698 triệu đồng;

- Tiêu dự án 2 (Tỉnh Bắc Kạn chỉ thực hiện nội dung “*Bồi dưỡng kiến thức dân tộc*”, đối với nội dung “*đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*” không phát sinh trên địa bàn tỉnh) được phân bổ từ nguồn sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề là 4.228 triệu đồng;

- Tiêu dự án 3 được phân bổ từ nguồn sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề là 16.708 triệu đồng;

- Tiêu dự án 4 được phân bổ từ nguồn sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề là 5.200 triệu đồng.

*UBND tỉnh dự kiến phương án phân bổ như sau:

- Đối với các tiêu dự án 1, 2 và 3:

+ Căn cứ các quy định tại: điểm b, khoản 1; gạch đầu dòng thứ nhất, khoản 2 và gạch đầu dòng thứ nhất khoản 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND và dự toán kinh phí thực hiện các tiêu dự án do Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Sở Lao động Thương binh Xã hội và Ban Dân tộc xây dựng và đề nghị, UBND tỉnh đề xuất phân bổ theo mức tỷ lệ tối đa cho các đơn vị cấp tỉnh tương ứng với từng tiêu dự án, cụ thể: Sở Giáo dục và Đào tạo tối đa 10% tổng vốn sự nghiệp tiêu dự án 1 tương đương 470 triệu đồng; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tối đa 2,5% tổng vốn sự nghiệp tiêu dự án 3 tương đương 418 triệu đồng.

Riêng Sở Nội vụ, theo quy định tại Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND thì Sở Nội vụ được phân bổ tối đa 16% trên tổng kinh phí Tiêu dự án 2 tương đương 677 triệu đồng. Tuy nhiên, theo dự toán thực hiện Tiêu dự án 2 do Sở Nội vụ lập là 300 triệu đồng. Do đó, UBND tỉnh trình phân bổ kinh phí theo đề nghị của Sở Nội vụ là 300 triệu đồng. Số kinh phí còn lại sau phân bổ của các tiêu dự án 1, 2 và 3 lần lượt là 4.228 triệu đồng, 3.928 triệu đồng và 16.290 triệu đồng sẽ thực hiện phân bổ cho các địa phương theo tiêu chí tính điểm.

+ Căn cứ tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND: gạch đầu dòng thứ 2, điểm b, khoản 1 Điều 11 đối với tiêu dự án 1; gạch đầu dòng thứ hai, khoản 2 Điều 11 đối với tiêu dự án 2; gạch đầu dòng thứ 2, khoản 3 Điều 11 đối với tiêu dự án 3 và số lượng tương ứng với từng tiêu chí do Ban Dân tộc báo cáo, UBND tỉnh xác định được tổng điểm của từng tiêu dự án và số điểm của các địa phương trong từng tiêu dự án. Năm 2022, tổng điểm làm căn cứ xác định vốn định mức cho tiêu dự án 1, 2 và 3 thuộc dự án 5 lần lượt là 20.338 điểm; 22 điểm và 112 điểm.

+ Theo công thức xác định vốn định mức quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND, vốn định mức làm cơ sở phân bổ số tiền còn lại sau khi phân bổ cho các đơn vị cấp tỉnh để các địa phương thực hiện tiêu dự án 1, 2 và 3 lần lượt là 0,21 triệu đồng/điểm (4.228 triệu đồng/20.338 điểm), 178 triệu đồng/điểm

(3.928 triệu đồng/22 điểm) và 145 triệu đồng/điểm (16.290 triệu/112 điểm). Từ số vốn định mức cho 01 điểm, UBND tỉnh xác định được số kinh phí phân bổ cho từng huyện, thành phố tương ứng với từng tiểu dự án bằng cách nhân vốn định mức của từng tiểu dự án với tổng điểm tương ứng của từng địa phương trong tiểu dự án đó.

- Riêng tiểu dự án 4: Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện tiểu dự án 4 do Ban Dân tộc lập và đề nghị, UBND tỉnh đề xuất phân bổ toàn bộ số kinh phí 5.200 triệu đồng Trung ương bổ sung có mục tiêu cho Ban Dân tộc để thực hiện tiểu dự án 4 theo quy định tại khoản 4, Điều 11 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND.

(Chi tiết phân bổ kinh phí cho Dự án 5 theo Biểu số 2.4 đính kèm)

5. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

Căn cứ Quyết định số 1067/QĐ-BTC, Dự án 6 được cấp 3.619 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp văn hóa thông tin. Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện dự án 6 do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng; quy định về tiêu chí, định mức phân bổ tại khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND và số lượng tương ứng với từng tiêu chí do Ban Dân tộc báo cáo, UBND tỉnh xác định tổng điểm của Dự án 6; số điểm chi tiết của mỗi đơn vị, địa phương và số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ, theo đó làm căn cứ phân bổ nguồn kinh phí, cụ thể:

- Đối với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Đề xuất phân bổ mức tối đa là 20% vốn sự nghiệp của Dự án 6 tương ứng với số tiền 723,8 triệu đồng.

- Đối với số vốn sự nghiệp còn lại của Dự án 6 (2.895,2 triệu đồng) thực hiện phân bổ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (ngoài phần vốn đã phân bổ ở Mục 1 nêu trên) và UBND các huyện, thành phố theo phương pháp tính điểm cho các tiêu chí, cụ thể:

+ Tổng điểm của Dự án 6 là 538,4 điểm.

+ Theo công thức quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND, số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ là $2.895,2 \text{ triệu đồng} / 538,4 \text{ điểm} = 5,4 \text{ triệu đồng/điểm}$.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh xác định số vốn phân bổ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các huyện, thành phố bằng số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ nhân với số điểm của mỗi đơn vị, địa phương.

(Chi tiết phân bổ kinh phí cho Dự án 6 theo Biểu số 2.5 đính kèm)

6. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.

Tại Quyết định số 1067/QĐ-BTC, tỉnh Bắc Kạn được phân bổ số tiền 3.467 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp y tế để thực hiện Dự án 7. Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện dự án 7 do Sở Y tế xây dựng; quy định về tiêu chí, định mức phân bổ nguồn tại khoản 2, Điều 13 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND và số lượng tương ứng với từng tiêu chí do Ban Dân tộc báo cáo, UBND tỉnh xác định tổng điểm của Dự án 7; số điểm chi tiết của mỗi địa phương và số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ, theo đó làm căn cứ phân bổ nguồn kinh phí, cụ thể:

- Đối với Sở Y tế: Đề xuất phân bổ mức tối đa 10% vốn sự nghiệp Dự án 7 tương ứng với số tiền là 347 triệu đồng (3.467 triệu đồng x 10%);

- Đối với số vốn sự nghiệp còn lại của Dự án 7 (3.120 triệu đồng) thực hiện phân bổ cho UBND các huyện, thành phố theo phương pháp tính điểm cho các tiêu chí, cụ thể:

+ Tổng điểm của Dự án 7 là 3.990 điểm.

+ Theo công thức quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND, số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ là $3.120 \text{ triệu đồng} / 3.990 \text{ điểm} = 0,8 \text{ triệu đồng/điểm}$.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh xác định số vốn phân bổ cho UBND các huyện, thành phố bằng số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ nhân với số điểm của mỗi đơn vị, địa phương.

(Chi tiết phân bổ kinh phí cho Dự án 7 theo Biểu số 2.6 kèm theo)

7. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.

Tại Quyết định số 1067/QĐ-BTC, tỉnh Bắc Kạn được phân bổ số tiền 8.615 triệu đồng để thực hiện Dự án 8 (trong đó: từ nguồn sự nghiệp kinh tế là 5.487 triệu đồng, nguồn sự nghiệp đảm bảo xã hội là 3.128 triệu đồng).

Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện dự án 8 do Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh xây dựng; quy định về tiêu chí, định mức phân bổ tại Điều 14 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND và số lượng tương ứng với từng tiêu chí do Ban Dân tộc báo cáo, UBND tỉnh xác định tổng điểm của Dự án 8; số điểm chi tiết của mỗi địa phương và số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ, theo đó làm căn cứ phân bổ nguồn kinh phí, cụ thể:

- Đối với Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh: Đề xuất phân bổ mức tối đa 12% vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương của Dự án 8 tương ứng là 1.033 triệu đồng (8.615 triệu đồng x 12%);

- Đối với số vốn sự nghiệp còn lại của Dự án 8 (7.582 triệu đồng) thực hiện phân bổ cho UBND các huyện, thành phố theo phương pháp tính điểm cho các tiêu chí, cụ thể:

+ Tổng điểm của Dự án 8 là 800 điểm.

+ Theo công thức quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND, số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ là: $7.581 \text{ triệu đồng} / 800 \text{ điểm} = 9,5 \text{ triệu đồng/điểm}$.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh xác định số vốn phân bổ cho UBND các huyện, thành phố bằng số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ nhân với số điểm của mỗi đơn vị, địa phương.

(Chi tiết phân bổ kinh phí cho Dự án 8 theo Biểu số 2.7 đính kèm)

8. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn.

Tại Quyết định số 1067/QĐ-BTC, tỉnh Bắc Kạn được phân bổ số tiền 6.471 triệu đồng để thực hiện dự án 9, trong đó:

- Tiểu dự án 1 được phân bổ 4.903 triệu đồng, để lại phân bổ sau (thuyết minh tại mục IV)

- Tiểu dự án 2 được phân bổ từ nguồn sự nghiệp kinh tế 1.568 triệu đồng.

+ Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện tiểu dự án 2 do Ban Dân tộc xây dựng; quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất, Điều 15 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND, UBND tỉnh đề xuất phân bổ theo mức tỷ lệ tối đa 20% tổng vốn sự nghiệp cho Ban Dân tộc tương đương 313 triệu đồng, số kinh phí còn lại 1.255 triệu đồng (*1.568 triệu đồng - 313 triệu đồng*) thực hiện phân bổ cho các địa phương theo tiêu chí điểm.

+ Căn cứ tiêu chí quy định tại gạch đầu dòng thứ 2, Điều 15 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND và số lượng tương ứng với từng tiêu chí do Ban Dân tộc báo cáo, UBND tỉnh xác định được tổng điểm của tiểu dự án và tổng điểm tương ứng của các địa phương trong tiểu dự án. Năm 2022, tổng điểm làm căn cứ xác định vốn định mức cho tiểu dự án 2 là 539 điểm.

+ Theo công thức xác định vốn định mức quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND, vốn định mức làm cơ sở phân bổ số tiền còn lại cho các địa phương thực hiện tiểu dự án 2 là 2,33 triệu đồng/điểm (*1.255 triệu đồng / 539 điểm*). Từ số vốn định mức, UBND tỉnh xác định được số kinh phí phân bổ cho từng huyện, thành phố bằng cách nhân vốn định mức của tiểu dự án với tổng điểm tương ứng của từng địa phương trong tiểu dự án đó.

(Chi tiết phân bổ kinh phí cho Dự án 9 theo Biểu số 2.8 đính kèm)

9. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

- Tại Quyết định số 1067/QĐ-BTC, tỉnh Bắc Kạn được phân bổ số tiền 4.631 triệu đồng để thực hiện dự án 10, trong đó:

+ Tiểu dự án 1 được phân bổ từ nguồn sự nghiệp văn hóa thông tin số tiền là 2.798 triệu đồng;

+ Tiểu dự án 2 được phân bổ từ nguồn sự nghiệp văn hóa thông tin số tiền là 788 triệu đồng;

+ Tiểu dự án 3 được phân bổ từ nguồn sự nghiệp kinh tế số tiền là 1.045 triệu đồng.

- Cách thức phân bổ:

+ Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện dự án 10 do các đơn vị cấp tỉnh xây dựng; các quy định tại: gạch đầu dòng thứ nhất, khoản 1; gạch đầu dòng thứ nhất, điểm b, khoản 2 và gạch đầu dòng thứ nhất khoản 3 Điều 16 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND, UBND tỉnh đề xuất phân bổ trước theo mức tỷ lệ tối đa đã quy định cho các đơn vị cấp tỉnh tương ứng với từng tiểu dự án, số kinh phí còn lại sau phân bổ của các tiểu dự án 1, 2 và 3 thuộc dự án 10 lần lượt là 1.399 triệu đồng, 260 triệu đồng và 470 triệu đồng sẽ thực hiện phân bổ cho các địa phương theo tiêu chí tính điểm.

+ Căn cứ các tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND: gạch đầu dòng thứ 2, khoản 1, Điều 16 đối với tiểu dự án 1; gạch đầu dòng thứ hai, điểm b, khoản 2, Điều 16 đối với tiểu dự án 2 và gạch đầu dòng thứ 2, khoản 3 Điều 16 đối với tiểu dự án 3; số lượng tương ứng với từng tiêu chí do Ban Dân tộc báo cáo, UBND tỉnh xác định được tổng điểm của từng tiểu dự án và tổng điểm tương ứng của các địa phương trong từng tiểu dự án. Theo đó năm 2022, tổng điểm làm căn cứ xác định vốn định mức cho tiểu dự án 1, 2 và 3 lần lượt là 2.916 điểm; 2.011 điểm và 376 điểm.

+ Theo công thức xác định vốn định mức quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND, vốn định mức làm cơ sở phân bổ số tiền còn lại cho các địa phương thực hiện tiểu dự án 1, 2 và 3 lần lượt là 0,48 triệu đồng/điểm ($1.399 \text{ triệu đồng} / 2.916 \text{ điểm}$), 0,13 triệu đồng/điểm ($260 \text{ triệu đồng} / 2.011 \text{ điểm}$) và 1,25 triệu đồng/điểm ($470 \text{ triệu đồng} / 376 \text{ điểm}$). Từ số vốn định mức, UBND tỉnh xác định được số kinh phí phân bổ cho từng huyện, thành phố tương ứng với từng tiểu dự án bằng cách nhân vốn định mức của từng tiểu dự án với tổng điểm tương ứng của từng địa phương trong tiểu dự án đó.

(Chi tiết phân bổ kinh phí cho Dự án 10 theo Biểu số 2.9 đính kèm)

IV. THUYẾT MINH KINH PHÍ ĐỀ LẠI PHÂN BỔ SAU.

Tổng kinh phí Chương trình đề xuất để lại phân bổ sau: 34.098 triệu đồng (NSTW: 29.427 triệu đồng, NSDP: 4.671 triệu đồng), gồm các dự án sau:

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 2.847 triệu đồng (NS TW: 2.716 triệu đồng, NSDP đối ứng: 131 triệu đồng)

Kinh phí trên thuộc Nội dung số 03: Hỗ trợ chuyển đổi nghề

Căn cứ tại khoản 1 Điều 6 Thông tư 15 quy định về hỗ trợ chuyển đổi nghề: *“Trường hợp chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất, thì hộ không có đất hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ 01 lần chuyển đổi nghề. Mức hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/hộ để mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, làm các ngành nghề khác. Trường hợp không có nhu cầu mua sắm nông cụ, máy móc thì được hỗ trợ học nghề để chuyển đổi nghề theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 09 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng”*

Theo quy định trên, kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề được chi làm hai loại: Thứ nhất, hỗ trợ trực tiếp cho các hộ dân để mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, làm các ngành nghề khác; thứ hai, hỗ trợ học nghề để chuyển đổi nghề theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 09 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Tại Quyết định số 1067/QĐ-BTC, Bộ Tài chính giao kinh phí hỗ trợ cho các hộ dân để mua sắm nông cụ, máy móc với số kinh phí là 2.338 triệu đồng thuộc lĩnh vực đảm bảo xã hội (nội dung này đã trình phân bổ); kinh phí hỗ trợ học nghề để chuyển đổi nghề theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 09 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ: 2.716 triệu đồng thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề để cho các cơ quan, đơn vị tổ chức tổ chức đào tạo nghề cho các hộ nông dân.

Hiện tại, các huyện, thành phố mới chỉ thống kê các hộ đề nghị hỗ trợ sắm nông cụ, máy móc; chưa thống kê được số lượng đối tượng có nhu cầu đào tạo theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg.

Số nhu cầu kinh phí các huyện, thành phố đề nghị hỗ trợ cho các hộ dân mua sắm nông cụ, máy móc vượt số kinh phí Trung ương giao, cụ thể: Nhu cầu các huyện đề nghị: 3.670 triệu đồng (367 hộ * 10 triệu đồng), nguồn Trung ương cấp: 2.338 triệu đồng, đáp ứng 63,7% nhu cầu; tuy nhiên qua trao đổi với Bộ Tài chính và Ủy ban dân tộc nhận được ý kiến: Tỉnh không được phép chuyển từ lĩnh vực chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề sang lĩnh vực đảm bảo xã hội; có nghĩa là không được phép sử dụng số kinh phí 2.716 triệu đồng để hỗ trợ các hộ dân mua sắm nông cụ, máy móc.

Do trước mắt chưa đầy đủ cơ sở trình phân bổ nên UBND tỉnh đề nghị để lại phân bổ sau số tiền 2.847 triệu đồng.

2. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị: 26.103 triệu đồng (NS TW: 21.808 triệu đồng, NSDP đối ứng: 4.295 triệu đồng)

Kinh phí trên thuộc Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Lý do để lại phân bổ sau: Tại gạch đầu dòng thứ hai, điểm b, khoản 2, Điều 9 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND quy định “- *Phân bổ cho các địa phương thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư: Thực hiện phân bổ vốn theo dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.*”. Hiện tại, các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị mới được các huyện, thành phố rà soát về danh mục, chưa xây dựng và phê duyệt dự án, đồng thời chưa tiến hành rà soát các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, theo đó UBND tỉnh đề xuất để lại phân bổ sau.

Sau khi các dự án được phê duyệt, UBND tỉnh sẽ giao cơ quan chuyên môn phối hợp với cơ quan chủ 3 Chương trình mục tiêu quốc gia và các đơn vị liên quan xem xét về mục tiêu, địa bàn thực hiện để lồng ghép nguồn vốn của 3 Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác, nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương để triển khai thực hiện dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị theo đúng quy định tại Điều 10, Nghị định 27/2022/NĐ-CP và cơ chế lồng ghép của HĐND tỉnh.

3. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn: 5.148 triệu đồng (NS TW 4.903 triệu đồng, NSDP đối ứng 245 triệu đồng)

Kinh phí trên thuộc Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.

Qua trao đổi với Ủy ban dân tộc, tỉnh Bắc Kạn chỉ có các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, không có các hộ dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù.

Theo đó, tại phần nội dung của điểm a khoản 9 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg tỉnh Bắc Kạn chỉ có chính sách:

“ Đối với các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn: Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt. Trường hợp xác định vật nuôi hoặc cây trồng khác phù hợp với địa phương, thực hiện đầu tư và tính quy đổi giá trị từ bò hoặc gà, nhưng tổng kinh phí hỗ trợ/hộ không thay đổi so với hạn mức được giao.”

Qua trao đổi với Ủy ban dân tộc, kinh phí phân bổ cho Tiểu dự án 1 thuộc dự án 9 dự kiến ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho các hộ dân tộc

thiếu số còn nhiều khó khăn vay vốn, tuy nhiên hiện nay chưa có văn bản chính thống nên Ủy ban dân tộc cho ý kiến nên để lại phân bổ sau. Bên cạnh đó, tại Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND chưa quy định tiêu chí, định mức phân bổ đối với tiểu dự án này. Vì vậy, UBND tỉnh đề xuất phân bổ sau số tiền 5.148 triệu đồng.

V. THUYẾT MINH CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN CƠ CHẾ LỒNG GHÉP

Tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định:

“Nội dung thực hiện lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và từ các chương trình, dự án khác

a) Dự án đầu tư.

b) Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đào tạo nghề, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện; thông tin, tuyên truyền về các chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Hoạt động kiểm tra, đánh giá, hội nghị triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia các cấp.

đ) Các nội dung khác thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có).”

Sau khi nghiên cứu các Quyết định phê duyệt Chương trình MTQG và một số chương trình, dự án khác cho thấy: Tại Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3, Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4, Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 5, Dự án 10 Quyết định số 1719/QĐ-TTg lần lượt có cùng đối tượng, mục tiêu, nội dung, địa bàn thực hiện với Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3, Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 1, Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4, Dự án 7 Quyết định số 90/QĐ-TTg. Đồng thời các dự án, tiểu dự án tại này có cùng mục tiêu, nội dung với Nội dung 2 thuộc nội dung thành phần số 03, Nội dung thành phần số 02, Nội dung 9 thuộc nội dung thành phần số 03, Nội dung 1, 2 thuộc nội dung thành phần số 08, nội dung 1, 2, 4 thuộc nội dung thành phần số 11 Quyết định 263/QĐ-TTg và có cùng mục tiêu, nội dung với chương trình, dự án khác như chương trình khuyến nông địa phương,...

Vì vậy, UBND tỉnh đề nghị các nội dung thực hiện cơ chế lồng ghép như trong dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.